NHỮNG NGƯỜI MỤC TỬ TRONG ĐÊM GIÁNG SINH

Nguyễn Đức Cung

Theo truyền thống văn hoá của Giáo Hội Công Giáo Việt Nam, hằng năm vào đêm Giáng Sinh, hầu hết các giáo xứ lớn nhỏ đều có phần diễn nguyện trước giờ khai mạc Thánh lễ để nói về sự tích lịch sử thánh thiêng có liên quan đến cuộc sinh hạ của Chúa Giê Su cách đây hơn hai nghìn năm. Tiết mục thiên thần hiện ra với các mục đồng canh thức tại Bê Lem là một tiết mục không thể nào thiếu đã gieo được nhiều ấn tượng đạo đức và thích thú trong lòng người tín hữu từ thế hệ này sang thế hệ khác. Hang đá Bê Lem đã được Thánh Phanxicô Át-xi-xi có suy tư nghĩ ra và thực hiện năm 1223 sau chuyến đi viếng Thánh Địa về, là một sáng kiến độc đáo và bất hủ kéo dài cùng với thời gian từ đó cho đến bây giờ, đã truyền tải ý niệm hội nhập văn hoá đến cho rất nhiều dân tộc trên hoàn vũ, trong đó có Việt Nam, với những nét phong phú về phong cách trang trí, mẫu hình tạo dáng, về mầu sắc ánh sáng, những hình ảnh với nhiều họa tiết xuất sắc. Nổi bật nhất là về không gian, hang đá không chỉ toạ lạc trong các thánh đường, tu viện, đan viện, nhà dòng, địa điểm tĩnh tâm mà còn lan toả ra ngoài cuộc sống của xã hội, trong gia đình, ngoài phố xá, trường học, nhà thương, bệnh viện, kể cả những chỗ giải trí khác. Nền văn hoá Ki Tô Giáo đã thể hiện rõ nét trên thế giới không lúc nào bằng dịp lễ này.

1.- Về các mục tử trong đêm Giáng Sinh theo Tin Mừng Thánh Lu-ca.

Trong lịch sử các tôn giáo của nhân loại, có lẽ Thánh Kinh là cuốn sách được in ra nhiều nhất và được phổ biến sâu xa, rộng rãi nhất so với bất cứ cuốn sách nào cho đến đỗi được mệnh danh là "sách của những cuốn sách" (The Book of Books) và tạo được ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đối với cuộc sống của loài người. Xin đọc đoạn sau đây có liên hệ với chủ đề của bài viết được trích từ trong Thánh Kinh:

8 "Trong vùng ấy, có những người chăn chiên sống ngoài đồng và thức đêm canh giữ đàn vật. 9 Và kìa sứ thần Chúa đứng bên họ, và vinh quang của Chúa

chiếu toả chung quanh, khiến họ kinh khiếp hãi hùng. [10]Nhưng sứ thần bảo họ: "Anh em đừng sợ. Này tôi báo cho anh em một tin mừng trọng đại, cũng là tin mừng cho toàn dân: [11]Hôm nay, một Đấng Cứu Độ đã sinh ra cho anh em trong thành vua Đa-vít, Người là Đấng Ki-tô Đức Chúa. [12]Anh em cứ dấu này mà nhận ra Người: anh em sẽ gặp thấy một trẻ sơ sinh bọc tã, nằm trong máng cỏ. [13]Bỗng có muôn vàn thiên binh hợp với sứ thần cất tiếng ngợi khen Thiên Chúa rằng:

[14]Vinh danh Thiên Chúa trên trời,
bình an dưới thế cho loài người Chúa thương.

[15] Khi các thiên sứ từ biệt mấy người chăn chiên để về trời, những người này bảo nhau: "Nào chúng ta sang Bê-lem, để xem sự việc đã xảy ra, như Chúa đã tỏ cho ta biết". [16] Họ liền hối hả ra đi. Đến nơi,họ gặp bà Ma-ri-a, ông Giu-se, cùng với Hài Nhi đặt nằm trong máng cỏ. [17] Thấy thế, họ liền kể lại điều đã được nói với họ về Hài Nhi này. [18] Nghe các người chăn chiên thuật chuyện, ai cũng ngạc nhiên. [19] Còn bà Ma-ri-a thì hằng ghi nhớ mọi kỷ niệm ấy, và suy đi nghĩ lại trong lòng. [20] Rồi các người chăn chiên ra về, vừa đi vừa tôn vinh ca tụng Thiên Chúa, vì mọi điều họ đã được mắt thấy tai nghe, đúng như đã được nói với họ.

(*Tin Mừng theo Thánh Lu-ca*, 2:8-20; Bản dịch *Tân Ước* do Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ, 1994, trang 256-257).

Về câu 14, bản dịch của Lm Trần Đức Huân viết:

Vinh danh Chúa cả trên trời,
Bình an dưới đất cho người thiện tâm.

(*Kinh Thánh Cựu Tân Ước*, Ra Khơi Thánh Kinh Thiện Bản, 1971, trang 1720.)

Bản dịch Kinh Thánh Trọn Bộ của Cha Nguyễn Thế Thuấn viết về hai câu cuối như sau: "*Vinh quang Thiên Chúa trên trời cao thẳm và dưới đất bình an cho kẻ Người thương!"*. Chú thích về bốn chữ "*Cho kẻ Người thương*", Linh mục Nguyễn Thế Thuấn viết: *thường nói "bình an cho kẻ lòng ngay"(cho người thiện chí). Nhưng tiếng dùng không thể hiểu thế. Kiểu nói thông dụng của Do thái (văn kiện Qumran): hiểu về nhã ý, lòng đoái thương của Thiên Chúa*. (Bản in 1975, trang 128).

Đoạn Tin Mừng của Lu-ca (2:8-20) thường được chia làm hai hoạt cảnh: hoạt cảnh I (2:8-14) là việc thiên thần loan báo tin Chúa giáng sinh cho các mục tử và hoạt cảnh II (2:15-20) là các mục tử đến yết kiến Chúa Hài Nhi.

Nói về các mục đồng, các nhà chú giải Thánh Kinh cho biết trong các nước tổ chức theo chế độ du mục, người đàn ông từ các bậc lãnh tụ đứng đầu bộ lạc (sheik) xuống đến một tên nô lệ ít hay nhiều cũng phải trải qua đời sống một mục đồng. Tổ tiên người Do Thái trong thời kỳ các tổ phụ đều là dân du mục và lịch sử cuộc sống của họ đầy dẫy những dấu tích nếp sinh hoạt nơi mục trường. Nghề chăn nuôi súc vật rất đỗi thiết yếu cho cuộc sống của họ nên đòi hỏi nhiều nhân sự để cáng đáng, vì thế không chỉ thanh niên, con trai của các nhà giàu có mà ngay cả đàn bà, con gái cũng được điều động vào nhu cầu của công việc. (*Smith's Bible Dictionary*, Hendrickson Publishers, Revised & Updated by F.N. &M.A. Peloubet, Printed in USA., 2005, trang 617).

Trong bản văn của Nhóm Phiên dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ, các tác giả có chú thích: "*Hồi ấy, người chăn chiên bị coi chẳng ra gì tại Ít-ra-en. Họ sống ở bên lề xã hội của những người giữ luật Do-thái. Họ là những người nghèo hèn, bé nhỏ."* (trang 256).

Qua *Tin Mừng theo Thánh Lu-ca,* tác giả Michael F. Patella cũng đã có một vài quan điểm tương đồng khi viết: "*Một lần nữa, Lu-ca dùng một thiên thần để loan báo về một cuộc sinh hạ, lần này là báo cho các mục tử. Mục tử, mặc dù không phải là những người mạt hạng của xã hội, nhưng họ là những người nghèo khó nhất trong xã hội. Một nhóm gồm có hầu hết là đàn bà và thiếu niên, họ không có đất đai hoặc súc vật, và họ chỉ là những kẻ làm thuê. Lu-ca nhấn mạnh vai trò cứu độ của Chúa Giê-su đối với người nghèo với sự loan báo của câu chuyện; các mục tử là những người đầu tiên nghe được tin mừng. [Once again Luke uses an angel to announce a birth, this time to shepherds. Shepherds, although not social outcasts, were among the poorest in the society. A group composed of women and young children. Luke underscores Jesus' salvific role especially for the poor with this annunciation story; the shepherds are the first to hear the good news."]* (New Collegeville Bible Commentary, Volume 3, New Testament, Michael F. Patella, O.S.B. Liturgical Press, 2005, trang 18). Cuộc sống của những người mục tử như được diễn tả trong Kinh Thánh (phần Cựu Ước) rất đỗi kham khổ vì dãi nắng dầm sương suốt cả ngày, chịu đựng nắng mưa, khổ ải, nhiều khi thiếu thốn cả thực

phẩm, nước uống v.v… mặc dù những điều đó phần nào quen giúp họ có đủ nghị lực để theo đuổi nếp sống cực khổ theo thời gian.

Trong sách *Archaeological Study Bible*, nhóm tác giả này nói rằng sự kiện các mục tử sống ở ngoài đồng ("living out in the fields") không nhất thiết hàm ý rằng lúc đó là mùa hè, tức mùa khô. Đàn súc vật dành riêng cho các cuộc tế lễ ở trong đền thánh Giêrusalem được nuôi giữ trong những cánh đồng gần Bethlehem trong suốt cả năm. Các mục tử phải canh thức chống lại bọn trộm cắp và những loài thú ăn thịt, như chó sói chẳng hạn (NIV, Zondervan, 2005, trang 1669).

Trong một cuốn sách có tên *The Complete Guide To The Bible* (được nói là đã bán trên 700,000 bản), tác giả Stephen M. Miller đưa ra giả thuyết là vị thiên sứ hiện ra báo tin cho các mục tử về sự sinh hạ Chúa Hài Nhi, đó là thiên sứ Gabriel. Ông này viết như sau:

"Vào thời gian Chúa Giêsu sinh ra, thiên thần Gabriel ít nhất đã hai lần đến trái đất, có thể là ba lần. Lần đầu ngài đến đền thánh Giêrusalem để báo cho vị tư tế già cả, Zechariah, rằng vợ ông, Elizabeth, sẽ sinh hạ một con trai. "Trẻ nhỏ sẽ là một người lớn với tinh thần và sức mạnh của Elijah", Gabriel nói. "Người nầy sẽ chuẩn bị dân tộc cho sự ngự đến của Thiên Chúa (Luke 1:17). Gabriel nói về Gioan Tẩy giả.

Gần hết năm đó, khi Elizabeth bắt đầu có thai tháng thứ sáu, Gabriel đã có cuộc thăm viếng diệu kỳ Mary ở làng Nazareth. Mary là một trinh nữ đã hứa hôn lấy Joseph. Bà có liên hệ với Elizabeth mặc dù Thánh Kinh không nói rõ như thế nào.

Gabriel nói với Mary, "Bà sẽ sinh hạ một đứa con trai và bà sẽ đặt tên là Giêsu. Người sẽ nên rất cao trọng và sẽ gọi là Người Con của Đấng Tối Cao. Thiên Chúa sẽ ban cho Người ngai vàng của tổ tiên David. Và người sẽ cai trị muôn đời trên Israel. Vương quốc của Người sẽ vô cùng tận!" (Luke 1: 31-33).

Lần thăm viếng thứ ba của thiên thần Gabriel có thể là danh tiếng hơn tất cả. Tên của người không được nói đến lần này, nhưng có thể chính người là vị thiên thần đã báo cho các mục tử ở Bethlehem đi vào trong thành để thấy được "Đấng Cứu Thế - vâng, Đấng Thiên Sai, Thiên Chúa… Các anh sẽ nhận ra được người với dấu hiệu này: Các anh sẽ nhìn thấy một hài nhi bọc tã gọn gàng, đặt

nằm trong máng ăn của súc vật." (Luke 2: 11-12). [Around the time of Jesus'birth, the angel Gabriel makes at least two visits to earth, perhaps three.

First he goes into the Jerusalem temple to tell an old priest, Zechariah, that his wife, Elizabeth, will have a son. "He will be a man with the spirit and power of Elijah," Gabriel says. "He will prepare the people for the coming of the Lord" (Luke 1:17). Gabriel is talking about John the Baptist.

Later that year, when Elizabeth is beginning her sixth month of pregnancy, Gabriel pays a startling visit to Mary in the village of Nazareth. Mary is a young virgin engaged to marry Joseph. She's also related to Elizabeth, though the Bible doesn't say how.

Gabriel tells Mary, "You will conceive and give birth to a son, and you will name him Jesus. He will be very great and will be call the Son of the Most High. The Lord God will give him the throne of his ancestor David. And he will reign over Israel forever; his Kingdom will never end!" (Luke 1: 31-33).

Gabriel's third visit have been the most famous of all. He isn't named this time, but he may well have been the angel who told a group of Bethlehem shepherds to go into town to see "the Savior – yes, the Messiah, the Lord. ... You will recognize him by this sign: You will find a baby wrapped snugly in strips of cloth, lying in a manger" (Luke 2: 11-12).] (Bản in 2007, trang 334-335).

Trong bài giảng của Thánh Ghê-gô-ri-ô Cả, Giáo hoàng, về Tin Mừng có nói:

"*Nên biết rằng "thiên sứ" là danh từ chỉ chức vụ chứ không chỉ bản tính, bởi các thánh thiên thần ở trên trời bao giờ cũng là thiên thần, nhưng không phải bao giờ cũng được gọi là "thiên sứ". Các vị ấy chỉ là "thiên sứ" khi được sai đi loan báo một điều gì thôi. Các vị loan báo điều nhỏ thì gọi là "thiên sứ", còn vị nào loan báo điều lớn thì gọi là "tổng lãnh thiên sứ".*

Quả thế, không phải bất cứ "thiên sứ" nào cũng được sai đến với Đức Trinh Nữ Ma-ri-a, mà phải là tổng lãnh thiên sứ Gáp-ri-en, vì một thiên sứ cao cả đến loan báo một việc hệ trọng thì thật là chính đáng. Người ta cũng biết đến một số vị nhờ các tên riêng, để thấy được công việc của các ngài qua những danh xưng đó. Trong thành thánh trên trời, nơi tri thức đạt tới mức hoàn hảo nhờ ơn hưởng kiến

Thiên Chúa toàn năng thì không cần có tên riêng, vì đâu phải không có tên mà ngôi vị các ngài không được biết đến. Nhưng chỉ khi nào đến với chúng ta để thi hành một tác vụ, thì ở giữa chúng ta các ngài mới mang tên gọi liên quan đến tác vụ đó. Vì thế, Mi-ca-en có nghĩa là "ai bằng Thiên Chúa", Gáp-ri-en có nghĩa là "sức mạnh của Thiên Chúa" và Ra-pha-en có nghĩa là "linh dược của Thiên Chúa".

Mỗi khi có việc cần đến sức mạnh diệu kỳ, thì đức Mi-ca-en được phái tới, để nhờ hành động và danh hiệu của người, chúng ta hiểu được rằng không ai làm nổi việc mà chỉ có Thiên Chúa mới làm được. Bởi vậy, vì kiêu ngạo, kẻ cựu thù kia đã muốn nên giống Thiên Chúa, khi dám nói: "Ta sẽ lên trời, ta sẽ dựng ngai vàng của ta trên cả các vì sao của Thiên Chúa… ta sẽ nên như Đấng Tối Cao."Trong ngày tận thế, lúc còn được thi thố sức mạnh của mình, trước khi chịu khổ hình đời đời kiếp kiếp, nó sẽ giao chiến với tổng lãnh thiên sứ Mi-ca-en, như lời thánh Gio-an nói: Có cuộc giao chiến với tổng lãnh thiên sứ Mi-ca-en.

Cũng thế, thiên sứ Gáp-ri-en mệnh danh là "sức mạnh của Thiên Chúa" được sai đến với Đức Ma-ri-a làm sứ giả loan báo Đấng đoái thương xuất hiện như một kẻ hèn mọn để chiến đấu chống những quyền lực trên không. Vậy phải nhờ "sức mạnh của Thiên Chúa" mà loan báo Đấng là Đức Chúa nắm giữ quyền lực và oai hùng khi xuất trận sắp ngự đến.

Như đã nói, thiên sứ Ra-pha-en cũng được giải nghĩa là "linh dược của Thiên Chúa", vì khi người chạm tới đôi mắt của ông Tô-bi-a như làm công việc chữa bệnh, thì người xua tan bóng tối là sự mù lòa. Vậy, gọi đấng được sai đến để chữa lành là "linh dược của Thiên Chúa", thì thật là đích đáng. (Trích Kinh Sách, bài đọc 2, ngày 29 tháng 9, Các Tổng Lãnh Thiên Thần Mi-Ca-En, Gáp-Ri-En, Ra-Pha-En, trang 1078-1079).

Đọc qua đoạn văn trích của Stephen M. Miller rồi bài giảng của Giáo Hoàng Ghê-gô-ri-ô vốn có tước hiệu truyền thống là *Magnus* (Cả) thì sẽ thấy nhận định của tác giả Miller rằng vị thiên thần báo tin vui cho các mục đồng là thiên thần Gabriel chỉ là một suy đoán nhưng cũng thiếu chứng cứ. Trước một Da-ca-ri-a bối rối, già cả và đầy sợ hãi khi được tổng lãnh thiên sứ Gabriel báo tin bà vợ ông sẽ mang thai, vị tư tế này không tin và một hình phạt (mà Đức Cha Phê rô Nguyễn Văn Khảm gọi là dấu chỉ) đến với ông qua lời bộc bạch đầy sức mạnh của Thiên Chúa "*Tôi là Gáp-ri-en, hằng đứng chầu trước mặt Thiên Chúa, tôi được sai đến*

nói với ông và loan báo tin mừng ấy cho ông. Và này đây, ông sẽ bị câm, không nói được, cho đến ngày các điều ấy xảy ra, bởi vì ông đã không tin lời tôi, là những lời sẽ được ứng nghiệm đúng thời đúng buổi." (Lu-ca I: 19-20, Sách đã dẫn, trang 248). Thiên Chúa đã biết trước việc Da-ca-ri-a bối rối và sẽ có phản ứng tiêu cực như đã được ghi lại trong Thánh Kinh.

Trong Thư 2 của Thánh Phê rô có viết: "*Nhất là anh em phải biết điều này: không ai được tự tiện giải thích một lời ngôn sứ nào trong Sách Thánh. Quả vậy, lời ngôn sứ không bao giờ lại do ý muốn người phàm, nhưng chính nhờ Thánh Thần thúc đẩy mà có những người đã nói theo lệnh của Thiên Chúa*." (2 Phê rô 1: 20-21, Sách đã dẫn, trang 953).

2.-Mầu nhiệm đức tin nơi những người mục tử nghèo hèn.

Trong tác phẩm **Catena Aurea**, một sưu tập các lời giải thích bốn sách Tin Mừng trích từ các tác phẩm của trên tám mươi giáo phụ do công trình của Thánh Thomas Aquinas và sự biên tập của Thánh John Henry Newman; Thánh Gioan Kim Khẩu (John Chrysostom, khoảng 350-407) viết rằng: "*Với ông Giuse, vốn là người dễ mang lại sự tin tưởng, Thiên thần xuất hiện trong một giấc mộng nhưng với các mục đồng trong hình dáng thấy được của những con người với thể chất thô tháp. Nhưng Thiên thần không đi tới Giêrusalem, không tìm đến với các vị Ký lục và các Biệt phái, (vì họ là những người đã ra hư hỏng và bị dày vò bởi lòng ghen tỵ). Nhưng đó là những người đơn sơ sống trong sự tuân giữ các lề luật cũ của Môi-sê và các Tổ phụ. Có một con đường chắc chắn do tình trạng vô tội, sẽ dẫn đưa tới sự Minh triết.* [CHRYS. To Joseph the Angel appeared in a dream, as to one who might be easily brought to believe, but to the shepherds in visible shape as to men of ruder nature. But the Angel went not to Jerusalem, sought not for Scribes and Pharisees, (for they were corrupt and tormented with envy.) But these were simple men living in the ancient practices of Moses and the Patriarchs. There is a certain road which leads by innocence to Philosophy. Volume III, Gospel of St. Luke, Parts 1 & 2, bản in năm 1993, trang 69].

Trong bộ Thánh Kinh *The Navarre Bible GOSPELS & ACTS*, đoạn 2:8-9 được chú thích như sau: *Những người mục tử này đến từ vùng phụ cận Bethlehem hoặc ngay cả có thể từ chỗ xa hơn đi tìm vùng đồng cỏ cho bầy súc vật của họ. Đây là những người đơn sơ, khiêm tốn là những kẻ đầu tiên được nghe tin mừng về*

Chúa Ki-Tô giáng sinh. Thiên Chúa yêu thương những kẻ khiêm tốn hơn cả (tham khảo sách Châm Ngôn 3:34); người che dấu khỏi những ai cho mình là khôn ngoan, hiểu biết và tỏ mình ra cho "những kẻ bé mọn" (xem Mt 11:25) [These shepherds may have been from the neighbourhood of Bethlehem or even have come from further afield in search of pasture for their flocks. It was these simple and humble people who were the first to hear the good news of Christ's birth. God has a preference for the humble (cf. Prov 3:34); he hides from those who consider themselves wise and understanding and reveals himself to "babes" (cf. Mt 11:25)].

Trong cuốn *The Orthodox Study Bible* của Chính Thống Giáo, qua phần chú thích vào nội dung câu chuyện các mục tử đêm Giáng Sinh, đoạn đầu, sách này viết: **2:8** Not to kings, priests or biblical scholars, but to **Shepherd living out in the fields** do the angels announce the birth of Him who would be Lamb of God and Shepherd of the sheep. Dịch nghĩa: *Không phải cho các vị vua, các tư tế hoặc các bậc kinh sĩ, nhưng là cho **Các Mục Tử đang sống ngoài cánh đồng,** các thiên thần báo tin cuộc sinh ra của Người sẽ là Con Chiên của Thiên Chúa và Mục Tử của đoàn chiên.* (Thomas Nelson Publishers, Nashville, Tennessee, 1993, trang 140).

Tiếp đó, sách này viết: **2:9** The appearance of the **angel** and the radiance of the **glory of the Lord** underscore the divine event that is taking place, the birth of the eternal Son of God in His human nature. Dịch nghĩa: *Sự hiện ra của **thiên thần** và vầng sáng **vinh quang của Thiên Chúa** làm nổi bật biến cố thánh thiêng đang diễn ra, cuộc giáng sinh người Con vĩnh cửu của Thiên Chúa trong bản tính trần gian của Người.*

Tiếp theo: **2:11 Christ** means "the Anointed One," the Messiah. The title **Lord** shows He is God; **Savior** shows that He will save His people from the power of sin and death. Dịch nghĩa: ***Ki-Tô** nghĩa là "Đấng được xức dầu", Đấng Thiên Sai. Tước vị **Đức Chúa** chỉ rằng Người là Thiên Chúa; **Đấng Cứu Độ** chỉ rằng Người sẽ cứu Dân Người khỏi quyền lực của tội lỗi và sự chết.*

Sau đó: **2:14** Christ comes to bring **peace** and **goodwill** toward men, for He is the incarnate love of God, reconciling humanity to God and people to each other. Dịch nghĩa: *Chúa Ki-Tô đến mang lại **hoà bình** và **thiện tâm** cho loài người, vì Người là tình yêu nhập thể của Thiên Chúa, hoà giải nhân loại với Thiên Chúa và loài người với nhau.*

Trong sách *The Catholic Study Bible, Second Edition,* của Công Giáo, phần chú thích đoạn 2 từ câu 8-20 Tin Mừng Thánh Luca viết rằng: The announcement of Jesus'birth to the shepherds is in keeping with Luke's theme that the lowly are singled out as the recipients of God's favors and blessings (see also 1, 48.52). Dịch nghĩa: *Sự loan báo Chúa Giê-su giáng sinh cho các mục đồng nằm trong chủ đề những kẻ thấp hèn được chọn lựa như là những người được đón nhận ân sủng và phép lành của Thiên Chúa (xem thêm 1, 48.52).*

Đoạn 2, câu 11 chú thích: The basic message of the infancy narrative is contained in the angel's announcement: this child is **savior, Messiah,** and **Lord.** Luke is the only synoptic gospel writer to use the title **savior** for Jesus (11; Acts 5, 31; 13, 23; see also 1, 69; 19, 9; Acts 4, 12). As savior, Jesus is looked upon by Luke as the one who rescues humanity from sin and delivers humanity from the condition of alienation from God. The title **christo**s, "Christ", is the Greek equivalent to the Hebrew **masiah,** "Messiah", "anointed one". Among certain groups in first-century Palestinian Judaism, the title was applied to an expected royal leader from the line of David who would restore the kingdom to Israel (see Acts 1,6). The political overtones of the title are played down in Lk and instead the Messiah of the Lord (26) or the Lord's anointed is the one who now brings salvation to all humanity, Jew and Gentile (29-32). **Lord** is the most frequently used title for Jesus in Lk and Acts. In the New Testament it is also applied to Yahweh, as it is in the Old Testament. When used of Jesus it points to his transcendence and dominion over humanity. Dịch nghĩa: *Thông điệp căn bản của trình thuật thời thơ ấu chứa đựng trong sự loan báo của thiên thần: trẻ thơ này là* ***Đấng cứu độ, vị Thiên Sai,*** *và* ***Thiên Chúa.*** *Lu-ca là tác giả sách Tin mừng Nhất lãm độc nhất dùng tước vị* ***Đấng cứu độ*** *cho Chúa Giê-su (11: Tông Đồ Công Vụ 5, 31; 13, 23; cũng xem 1, 69; 19, 9; Tông Đồ Công Vụ, 12). Là đấng cứu độ Chúa Giê-su được Thánh Lu-ca coi trọng như là người cứu độ nhân loại khỏi tội lỗi và giải thoát nhân loại khỏi điều kiện xa lạ với Thiên Chúa. Tước vị* ***christos,*** *"Chúa Ki-Tô"là tiếng Hy Lạp tương đương với từ ngữ Do Thái* ***masiah,*** *"Messiah", "đấng được xức dầu". Giữa một số nhóm những người Palestin thuộc Do Thái Giáo trong thế kỷ thứ nhất, tước vị này được áp dụng nói lên sự trông chờ một vị lãnh đạo hoàng gia thuộc dòng tộc David là người sẽ khôi phục lại vương quốc Israel (xem Tông Đồ Công Vụ 1,6). Những lời ngụ ý mang tính chính trị của tước vị đã được làm cho ít quan trọng hơn trong sách của Lu-ca và thay vào đó là đấng Thiên Sai của Thiên Chúa hay đấng đã được Thiên Chúa xức dầu là người bây giờ*

mang sự cứu chuộc đến cho toàn thể nhân loại, người Do Thái và Dân ngoại (29-32). Thiên Chúa là tước vị được sử dụng cho Chúa Giê-su nhất trong Lu-ca và Công Vụ. Trong Tân Ước nó cũng được áp dụng cho Gia-Vê như là được áp dụng trong Cựu Ước. Khi được áp dụng cho Chúa Giê-su nó chỉ sự trổi vượt và ngự trị của Người trên nhân loại.

Đoạn 2 câu 14: **On earth peace to those on whom his favor rests**: the peace that results from the Christ event is for those whom God has favored with his grace. This reading is found in the oldest representatives of the Western and Alexandrian text traditions and is preferred one; the Byzantine text tradition, on the other hand, reads: "on earth peace, good will toward men." The peace of which Luke's gospel speaks (14; 7, 50; 8, 48; 10 5-6; 19, 38, 42; 24, 36) is more than the absence of war of the **pax Augusta;** it also includes the security and well-being characteristic of peace in the Old Testament. Dịch nghĩa: *Hoà bình dưới thế cho người Chúa thương: Hoà bình nảy sinh ra từ sự kiện Chúa Ki-Tô cho những ai được Chúa ban ân sủng của người. Câu này được tìm thấy trong trong bản văn cổ nhất của Tây Phương và các bản văn truyền thống của Alexandria và là bản được thích nhất. Truyền thống văn bản của Byzantine, đàng khác, đọc thấy: "hoà bình dưới thế cho người có thiện tâm". Hoà bình mà Tin mừng Thánh Lu-ca nói đến còn hơn cả sự vắng bóng chiến tranh trong kỷ nguyên hoà bình Augustus; điều này cũng chỉ đến sự an ninh và đặc tính phúc lợi của hoà bình trong Cựu Ước.*

Pax Augusta chỉ kéo dài được 250 năm trong lịch sử nhân loại còn "hoà bình dưới thế" của Chúa Giê-su sẽ còn kéo dài vô tận cho tới ngày chung thẩm.

Cũng trong bộ sách Thánh Kinh *The Navarre Bible* được nói đến ở trên, Thánh Thomas Aquinas giải thích tại sao cuộc giáng sinh của Chúa Ki-Tô đã được mạc khải cho các thiên thần: "*Điều gì trong bản chất vốn được dấu kín cần phải được biểu lộ ra, nhưng không phải cái gì cũng được biểu lộ ra hết. Xác thịt của người sinh ra phải được biểu lộ, nhưng còn Thần trí người phải được dấu kín, và bởi vậy đây là điều xứng hợp rằng cuộc sinh hạ đó phải được làm cho vang tiếng ra bởi các thiên thần vốn là những vị chầu hầu của Thiên Chúa. Đây là điều tại sao một vầng ánh sáng đi theo sự xuất hiện thần thiêng để chỉ rằng đấng vừa sinh ra "phản ánh vinh quang của Cha" (Hi-bá 1:3) (Tổng luận Thần học, 3, 36, 5 ad 1)*. [St Thomas explains why the birth of Christ was revealed through angels: "What is in itself hidden needs to be manifest, but not what is in itself manifest. The flesh of him who was born was manifest, but his Godhead was hidden, and

therefore it was fitting that this birth should be made known by angels, who are ministers of God. This was why a certain brightness accompanied the angelic apparition, to indicate that he who was just born 'reflects the glory of the Father' (Heb 1:3)" (*Summa theologiae*, 3, 36, 5 ad 1).

The angel also tells the shepherds that Christ is a man: "You will find a babe wrapped in swaddling cloths and lying in a manger" (v.12) – as foretold in the Old Testament: "To us a child is born, to us a son is given; and the government will be upon his shoulder" (Is 9:6).

"Thiên thần cũng bảo cho các mục tử biết Chúa Ki-Tô là một con người: Các anh sẽ gặp thấy một trẻ sơ sinh quấn tã và đặt nằm trong máng cỏ (câu 12) – như được báo trước trong Cựu Ước: "Vì chúng ta một trẻ thơ được sinh ra, vì chúng ta một người con được ban tặng; và chính quyền sẽ được đặt trên vai người" (Is 9:6).

The Nativity at Night, by Guido Reni (1640)

3.- Những người mục tử trong đêm giáng sinh dưới những quan điểm thần học hiện đại.

Trong cuốn sách *Thời Thơ Ấu Của Đức Giê-Su Na-Da-Rét,* Đức Thánh Cha Biển Đức XVI đã viết như sau:

"Những chứng nhân đầu tiên của sự kiện vĩ đại này là các mục đồng thức đêm canh giữ đàn chiên. Rất nhiều suy tư về việc các mục đồng là những người đầu tiên đón nhận thông điệp giáng sinh. Có lẽ không cần thiết bàn về vấn đề này nhiều. Chúa Giê-su giáng sinh ngoài thành phố, ở nơi cánh đồng là địa điểm các mục đồng thường xuyên chăn dắt đoàn vật. Bởi vì đang ở gần nhất, thì không có gì lạ khi họ là những người đầu tiên được mời gọi đến bên máng cỏ hang đá.

Chúng ta có thể diễn giải cách sâu xa hơn suy tư này không chỉ theo khía cạnh bên ngoài, mà trong chiều kích nội tâm sâu xa: những người mục đồng là những người ở gần biến cố giáng sinh nhất, chứ không phải những người dân đang chìm trong giấc ngủ thanh bình. Biến cố giáng sinh thuộc về dân nghèo, thuộc về những tâm hồn đơn sơ, là những người được Chúa Giê-su chúc phúc, nhất là bởi vì họ là những người được mặc khải mầu nhiệm Thiên Chúa (x. Lc 10, 21). Họ là những người đại diện cho *những người nghèo Ít-ra-en,* những người nghèo khổ nói chung: những đối tượng ưu tiên của tình yêu và lòng nhân hậu của Thiên Chúa.

Một ý nghĩa khác liên hệ đến đời sống đan tu: các đan sĩ là những người thức ban đêm cầu nguyện. Họ là những người tỉnh thức trong thế giới này qua việc cầu nguyện vào ban đêm, nhưng nhất là sự tỉnh thức nội tâm, nghĩa là họ mở lòng cho tiếng gọi của Thiên Chúa qua những dấu chỉ của sự hiện diện của Ngài.

Sau cùng, chúng ta suy tư đến tường thuật chọn-gọi vua Đa-vít. Thời bấy giờ, vua Sa-un làm mất lòng Thiên Chúa. Tiên tri Sa-mu-en được Thiên Chúa sai đến thành Bê-lem, đến với gia đình Giê-sê, để xức dầu tấn phong vua cho một trong những đứa con của Giê-sê mà Thiên Chúa đã chỉ định. Giê-sê giới thiệu cho Sa-mu-en tất cả những đứa con đang ở nhà lúc đó, nhưng chẳng có ai trong số những đứa con ở nhà được Thiên Chúa tuyển chọn. Giê-sê nói rằng vẫn còn đứa con út, đang chăn chiên ngoài đồng. Sa-mu-en cho gọi cậu bé về nhà và theo chỉ dẫn của Thiên Chúa, Sa-mu-en xức dầu tấn phong Đa-vít làm vua Ít-ra-en "trước

mặt các anh em" (1Sm 16 1-13). Từ người chăn chiên, Đa-vít trở thành mục tử của Ít-ra-en (x. 2 Sm 5,2). Tiên tri Mi-kha đã tiên báo rằng từ thành Bê-lem sẽ xuất hiện Đấng chăn dắt toàn thể Ít-ra-en (x. Mk 5, 1-3; Mt 2,6). Chúa Giê-su sinh ra giữa các mục đồng, chính Người là Mục tử của nhân loại (x. 1 Pt 2, 25; Dt 13, 20)"…

Và Đức Cố Giáo Hoàng Biển Đức viết tiếp:

"Thánh sử Lu-ca tường thuật rằng các thiên thần "cất tiếng", nhưng các tín hữu ngay từ thời sơ khai đã xác tín rằng các thiên thần "ca hát" trong niềm vui và vinh quang bất tận. Từ đó, bài ca của các thiên thần được Hội Thánh tiếp nối. Trong dòng lịch sử, bài ca này luôn được cất lên với những cung điệu khác nhau trong ngày lễ Giáng Sinh. Chúng ta có thể hiểu được rằng những tín hữu đơn sơ nhiệt thành cũng lắng nghe được những lời ca tiếng hát của các mục đồng, và ngay cả hôm nay trong đêm thánh Chúa Giáng Sinh, chúng ta cùng hoà nhịp với họ, cất lời ca tiếng hát với niềm vui khôn tả vốn là niềm vui được trao ban cho chúng ta từ ngàn xưa cho đến ngày tận cùng của lịch sử nhân loại." (Bản dịch FX. Phạm Đình Phước, Nhà xb. Hồng Đức, 2012, trang 74)

Quả thật, trong bộ Catena Aurea, Thánh Gioan Kim Khẩu viết rằng: "*Quả thật, các Thiên thần trong truyền thuyết cũ được sai đi để trừng phạt chẳng hạn dân Ít-ra-en, Đa-vít, những dân thành Sodom, tới thung lũng khóc than. Nhưng bây giờ trái lại, họ cất tiếng hát ngợi khen Thiên Chúa: bởi vì Người đã mạc khải cho họ sự đi xuống với loài người*. (CHRYS. Of old, indeed, Angels were sent to punish, as for instance to the Israelites, to David, to the men of Sodom, to the valley of weeping. Now on the other hand they sing the song of thanksgiving to God: because He hath revealed to them His coming down to men." (Sách đã dẫn, trang 72). Quan điểm của Thánh Gioan Kim Khẩu là đại diện cho suy nghĩ của "các tín hữu thời sơ khai" được nói đến ở trên.

"Theo thánh sử Lu-ca thì các thiên thần cất tiếng ngợi khen điều gì? Có mối tương quan giữa vinh quang Thiên Chúa "trên các tầng trời" và bình an cho loài người ở "trần gian". Hội Thánh dùng những lời này để hình thành một bài ca chúc tụng Thiên Chúa: Kinh Vinh Danh. Nhưng xét theo chi tiết, thì những lời hát của các thiên thần được phiên dịch nhiều cách khác nhau.

"Bản văn tiếng La-tin quen thuộc với chúng ta từ lâu đời được phiên dịch như thế này: "Vinh danh Thiên Chúa trên trời, bình an dưới thế cho người thiện tâm" Bản dịch này bị các nhà chú giải hiện đại không đồng thuận vì nó mang nặng tính luân lý. Họ có lý do. Vinh quang của Thiên Chúa là điều loài người không thể gán cho Ngài, mà Thiên Chúa là vinh quang, nơi Ngài tỏ lộ sự vinh quang, và vì thế trở thành động lực của niềm vui và hạnh phúc: nơi Ngài có chân lý, sự thiện, vẻ đẹp. Đó là những thực tại vĩnh cửu ở trong Thiên Chúa.

Bản dịch phần thứ hai trong bài ca của các thiên thần có những khác biệt lớn. Mãi gần đây, bản dịch "bình an dưới thế cho người thiện tâm", được thay bằng "cho người sống trong ân sủng của Thiên Chúa" (theo bản dịch của Hội Đồng Giám Mục Đức, *menschen seiner gnade*), hay "cho người được Thiên Chúa thương" (theo bản dịch của Hội Đồng Giám Mục Ý, *uomini, che egli ama*)." (Bản dịch FX. Phạm Đình Phước, trang 75).

Trong *The Navarre Bible (Gospels & Acts)*, người ta đọc thấy phần chú thích câu **2:16** Tin Mừng Thánh Lu-ca như sau: "*Các mục tử vội vàng vì họ thấy tràn đầy niềm vui và rất háo hức được nhìn thấy Đấng Cứu Độ. Thánh Ambrosio bình luận: "Không ai tìm kiếm Đức Ki-Tô bằng nửa tấm lòng hết (Expositio Evangelii sec. Lucam,* in loc.*). Trước đó, người viết tin mừng đã nhận xét rằng Đức Bà của chúng ta, sau sự kiện Truyền Tin, "đã vội vã" đi thăm bà thánh Elizabeth (Lk 1:39). Một linh hồn đã để cho Thiên Chúa ngự vào thì vui mừng vì Thiên Chúa đã viếng thăm mình và cuộc sống người đó ước mong có được nghị lực mới.* [The shepherds hasten because they are full of joy and eager to see the Saviour. St Ambrose comments: "No one seeks Christ half-heartedly" (*Expositio Evangelii sec. Lucam,* in loc.). Earlier on, the evangelist observed that our Lady, after the Annunciation, "went in haste" to see St Elizabeth (Lk 1:39). A soul who has given God entry rejoices that God has visited him and his life acquires new energy].

Câu **2:19** được chú thích: "*Chỉ trong một vài chữ câu này lại nói cho chúng ta rất nhiều về Mẹ của chúng ta. Chúng ta thấy sự trong sáng qua đó bà đã chiêm ngắm những điều diệu kỳ đã thực sự hiện đến với sự giáng sinh thánh thiêng của người Con của bà. Bà đã chiêm ngắm suy tư và chất chứa những điều đó trong sự lặng thinh của tâm hồn bà. Bà thực sự là thầy dạy của lời cầu nguyện. Nếu chúng ta bắt chước bà. Nếu chúng ta giữ lấy và suy tư trong trái tim chúng ta điều mà Chúa Giê-su nói với chúng ta và điều người làm trong chúng ta, chúng ta thật sự ở trên con đường thánh thiện Ki-Tô giáo và chúng ta sẽ không hề thiếu giáo lý và ân*

sủng của người. Cũng thế, khi suy niệm trong con đường này về sự dạy dỗ mà Chúa Giê-su đã ban cho chúng ta, chúng ta sẽ có được sự hiểu biết sâu hơn về mầu nhiệm của Đức Ki-Tô mà bằng cách nào "Thánh Truyền do các Tông Đồ truyền lại được tiến triển trong Giáo Hội dưới sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần. Thật vậy, các sự việc và lời nói truyền lại được hiểu biết thấu đáo hơn, nhờ sự chiêm ngắm và học hỏi của các tín hữu, những người đã ghi nhận các điều đó trong lòng, nhờ sự thông hiểu những điều thiêng liêng họ cảm nghiệm được, hoặc nhờ việc giảng dạy của những người lãnh nhận một đoàn sủng chắc chắn về chân lý do việc kế vị trong chức Giám Mục, sự viên mãn của chân lý (Vatican II, Dei Verbum, 8.- Đoạn cuối trích từ bản dịch của Giáo Hoàng Học Viện Piô X, trang 496*)* [In very few words this verse tells us a great deal about our Lady. We see the serenity with which she contemplates the wonderful things that are coming true with the birth of her divine Son. She studies them, ponders them and stores them in the silence of her heart. She is a true teacher of prayer. If we imitate her, if we guard and ponder in our hearts what Jesus says to us and what he does in us, we are well on the way to Christian holiness and we shall never lack his doctrine and his grace. Also, by meditating in this way on the teaching Jesus has given us, we shall obtain a deeper understanding of the mystery of Christ, which is how "the Tradition that comes from the apostles makes progress in the Church with the help of the Holy Spirit. There is a growth in insight into the realities and words thst are being passed on. This comes about in various ways. It comes through the contemplation and study of believers who ponder these thingsin their hearts. It comes from the intimate sense of spiritual realities which they experience. And it comes from the preaching of those who have received, along with their right of succession in the episcopate, the sure charism of truth" (Vatican II, *Dei Verbum,* 8)

4.- Mạc khải tư của Maria Valtorta về các mục tử trong đêm giáng sinh.

Phần mạc khải tư này về các mục tử được lược thuật qua bộ sách của chị Maria Valtorta được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới mà cụ thể chúng tôi có trong tay là bản tiếng Anh *The Poem Of The Man-God,* bản tiếng Pháp *L'EVANGILE tel qu'il m'a été ré- vélé,* bản tiếng Ý *IL POEMA DELL'UOMO-DIO,* và bản tiếng Việt của hai dịch giả, Linh mục Nguyễn Phương (1921-1993), chưa xuất bản và Nữ tu Phạm Thị Hùng (Nhà xb. Tôn Giáo, 2008). Bản dịch của LM Nguyễn Phương có tên *Người Thần Truyện Thánh* và bản dịch của Nữ tu Phạm Thị Hùng có tên *TIN MỪNG như đã mặc khải cho tôi.*

Trước hết xin lưu ý quý độc giả rằng bộ sách *Người Thần Truyện Thánh* của Maria Valtorta mà Linh mục Nguyễn Phương (trong thời gian cư ngụ tại Dòng Đồng Công, nay gọi là Dòng Đức Mẹ Cứu Chuộc, Missouri, USA) dịch là Maria Vân Tước Tử được viết do chính Chúa Giê-su, Mẹ Maria và một thiên thần đọc cho Chị ấy viết, cho nên những đoạn chúng tôi trích dẫn dưới đây rút ra từ bộ sách đã được mặc khải, đã đưa Maria Valtorta trở thành một nhà nhiệm khải nổi danh khắp nơi. Sau đây là một vài nét sơ lược về tiểu sử của Chị.

Maria Valtorta (1897-1973) là một nhà mạc khải tư có tiếng trên thế giới trong thế kỷ 20. Chị sinh ngày 14-3-1897 tại Caserta, nước Ý, chỗ thân phụ là một đội trưởng kị binh đang phục vụ, và mất ngày 12-10-1961. Học lực của Valtorta bình thường, từ 1917 đến mùa hè 1920 làm nữ y tá trong các bệnh viện. Năm 1929 gia nhập phong trào Công giáo tiến hành. Ngày 01 tháng 7 năm 1930, Valtorta dâng mình làm nạn nhân cho phép công thẳng Chúa và được Chúa nhậm lời nên chị bị đau đớn triền miên. Từ năm 1934 đến 1961 chị bị liệt giường cho đến khi chết. "*Từ năm 1943 đến 1951, Maria Valtorta đã viết tay hơn 15,000 trang giấy (120 tập vở). Chị ta viết một mách (không chuẩn bị, không phác thảo, không hề sửa chữa, và cũng không đọc lại xem mình đã viết gì. Tác phẩm của chị ta gồm những bức tranh mô tả cảnh vật (tả như Chị ta thấy và nghe được) và những bản văn viết theo lối viết chính tả (theo lời đọc của Chúa Giê-su, Đức Trinh-nữ, và một vị thiên thần). Thể văn trong các chỗ mô tả và các bài chính tả khác nhau một cách rõ rệt. Tại đây chúng ta chứng kiến được sự kiện này, là kết quả, tức là tác phẩm, dường như vượt quá khả năng của nguyên nhân, tức là Maria Vân-tước-tử*" (Gabriel M. Roschini, *La Vierge Marie dans l'oeuvre de Maria Valtorta,* Linh mục Nguyễn Phương dịch *Đức Trinh-Nữ trong di bút của Maria Vân-tước-tử,* bản dịch tiếng Việt của Vân-Tước Thư-Xá, 1994, trang 6). Đây là một bộ sách đồ sộ về lượng cũng như về phẩm, và trước khi chưa được phổ biến, các vị có liên hệ đến bộ sách như Cha Andrea M. Cecchin, Tu-viện Trưởng Dòng Phụ tá Đức Mẹ, Corrado Berti và Romualdo M. Megliorini, thần học gia, trong buổi hội kiến riêng ngày 26 tháng 2, 1948, đã được Đức Giáo Hoàng Piô XII khuyến khích: " ***Hãy xuất bản sách này ra, đã viết làm sao in ra làm vậy. Ai đọc vào sẽ hiểu***". Ngày nay bộ sách của Maria Valtorta được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới.

Trong một tập sách có tên *Avec Jésus Au Jour Le Jour* của Cha Jean Aulagnier, một nhà thời ký học nổi danh mà sách LM Nguyễn Phương dịch là *Nhật-ký Chúa Giê-Su*, tác giả này đã kể lại từng ngày đời sống Chúa Giê-su dựa vào các niên lịch cổ và trên di bút của Chị Maria Valtorta.

Phần lược thuật sau đây trích từ sách của Jean Aulagnier qua lời dịch của Linh Mục Nguyễn Phương:

Tháng 12, ngày 10 (Thứ ba). *Cuối cùng, Maria và Giuse đã đến gần Bê-lem. Xế chiều, họ gặp một người chăn chiên tên là Elijah. Người này biếu Maria một ít sữa chiên. Chàng nói với Giu-se và Maria là rất khó tìm được chỗ trọ. Chàng khuyên hai đấng rằng, nếu cần đến, thì có thể trú tạm ở một hang đá cũ người ta dùng để cho súc vật ở khi cần-thiết.*

Giu-se và Maria chung qui phải nghe theo lời khuyên của Elijah. Các hang-đá này là những chuồng tồi-tàn hoang-phế, mà đêm đó lại rất lạnh. Nguồn hơi ấm độc-nhất của họ là một con bò và con lừa chở Maria, ngoài bếp lửa heo-hắt mà Giu-se vừa nhóm lên.

Tháng 12, ngày 10-11 (đêm): *Cuộc hành-trình mệt nhọc đã khiến cho việc sinh-nở đến sớm hơn*

Luc. 2, 6-7:

Khi họ còn ở đó, thì đến lúc Maria phải sinh con. Nàng sinh ra một cậu trai đầu lòng. Nàng vấn cậu trong tã, và đặt cậu nằm trong một máng cỏ, vì không có chỗ cho họ ở trong quán-xá.

Bởi có cuộc kiểm tra, quán-xá là một chỗ rộn-ràng và phiền-toái. Lúc đó

Luc. 2,8:

Ở cùng vùng đó, có nhiều kẻ chăn-chiên đang thức ngoài đồng canh giữ chiên.

Elijah là một người trong bọn họ. Mặt trăng rằm đầy-đặn.

Luc. 2, 9-14:

Và bỗng chốc một Thiên-Thần Chúa đến đứng bên họ, và vinh quang Chúa sáng ra chung quanh họ nên họ khiếp sợ. Nhưng Thiên-Thần bảo: "Đừng sợ, này ta đem đến cho các ngươi một tin mầng sẽ khiến cho toàn-dân khoái-lạc: Hôm nay, ở thành David, Đấng Cứu-độ, chính Chúa, Đức Ki tô, đã sinh ra cho các ngươi. Đây là dấu để nhận Người. Đó là một Hài-Nhi còn vấn tã, nằm trong máng cỏ." Rồi, đột-nhiên vô-số quân-binh cõi trời xuất-hiện bên cạnh Thiên-Thần. Họ bắt đầu ngợi khen Thiên Chúa rằng: "Sáng danh Thiên Chúa trên Trời cao, và dưới thế bình an cho các thân-hữu của Thiên Chúa."

Khi Thiên-Thần rời họ về Trời, các mục-tử nói với nhau: "Ta hãy đi, hãy tìm đến Bê-lem, xem cho biết việc Thiên-Chúa bảo cho ta này".

Elijah nghĩ rằng cặp vợ chồng chàng gặp kia có thể có liên quan đến việc này, nên chàng dẫn các bạn mục-tử đến hang đá.

Luc.2, 16-17:

Thế là họ vội-vàng đến và gặp được Maria cùng Giu-se ở đó với Hài-Nhi nằm trong máng cỏ. Thấy thế, họ khám phá ra rằng lời họ nghe được về Hài Nhi là sự thật.

Chúng mục-tử dâng cho họ một ít sữa và một tấm da chiên ấm để cho cậu bé.

Luc. 2, 18-20:

Tất cả những kẻ nghe vậy đều kinh-ngạc về chuyện mục-tử kể cho họ. Nhưng Maria giữ lại trong lòng mọi điều nói đó và suy niệm. Các mục-tử ra về ngợi khen cùng cao-rao danh Thiên Chúa vì đã được nghe và được thấy đúng như lời đã nói với họ.

Chúa Giê-su gặp lại tất cả các kẻ chăn chiên này khi Người bắt đầu cuộc đời công, như sẽ thấy sau. Có tất cả 12 người. Levi là người trẻ nhất, 12 tuổi. Cậu thấy Thiên-Thần trước nhất và reo lên báo cho các kẻ khác. Elijah là kẻ đã dẫn họ đến hang-đá chính ông đã chỉ cho Maria và Giu-se. Các mục-tử khác là Samuel (người Hebron), Jonathan, Tobiah, Jonah, Isaac, Daniel, Simon, John, và Giu-se cùng Benjamin, hai anh em sinh đôi.

Nhờ có họ, Thánh Thất không cảm thấy quá cô-đơn nơi chuồng bò tồi-tàn họ trú.

Tháng 12, ngày 18 (Thứ tư):

Luc. 2, 21:

Đến ngày thứ tám, cậu bé cần phải được cắt bì, và được gọi là Giê-su, tên mà Thiên-Thần đã đặt cho cậu khi Cậu được đầu thai.

Năm đó, mùa đông lạnh lắm nên Giu-se, Maria và Giê-su không về nhà được. Elijah tìm cho họ một chỗ: Anna, bà chủ ông cho họ vào ở trong nhà. Nhà bà ở bên kia đường đối diện với quán.

<u>4 BC. Khoảng đầu tháng giêng</u>. *Bấy giờ Elijah đi Hebron, cách đó chừng 20 dặm. Ông cho Gia-ca-ri-a biết tin. Isave gói gắm quà và vị Thầy cả vội vàng mang đến biếu.*

(Jean Aulagnier, *Nhật-ký Chúa Giê-su,* Di cảo dịch phẩm của Linh Mục Nguyễn Phương, trang 24-25.)

5.- Như một phần kết: Những đêm giáng sinh thời sơ khai Giáo hội Công giáo Việt Nam.

Theo suy nghĩ của tôi, các vị thừa sai ngoài nhiệm vụ chính là truyền giáo còn có một nhiệm vụ khác đó là chứng nhân của lịch sử bởi vì các tài liệu, sách vở,

báo chí họ để lại ghi nhận các thời sự quá khứ, các biến cố xảy ra trong lịch sử tại một đất nước. Trường hợp này gắn liền với vai trò của các vị linh mục thừa sai ở Đàng Ngoài cũng như Đàng Trong trong đó vai trò nổi bật của Thừa sai Alexandre de Rhodes thuộc Dòng Tên, thường gọi là cha Đắc-Lộ đối với Việt Nam, nhất là đối với lịch sử giáo hội Công Giáo Việt Nam, cách đây hơn bốn thế kỷ. Khi viết một tiểu mục như trên không chỉ muốn các nhân vật của mình mang những sắc thái thánh thiêng mà còn là nhuốm phần nào dấu vết của lịch sử và lịch sử gần gũi với nền văn hoá của chúng ta chừng nào càng hay chừng nấy cho nên tôi cố đi tìm, lục lọi vào kho tàng của lịch sử giáo hội Việt Nam, may ra bắt gặp được chút ít chứng từ nào chăng và quả thật tôi đã gặp thấy…một số tư liệu lịch sử khá độc đáo nói về những cuộc lễ giáng sinh tại VN, những người mục tử trong đêm giáng sinh tại ngay chính trên quê hương chúng ta được ghi lại dưới ngòi bút của nhiều vị thừa sai ngoại quốc, các nhà truyền giáo đến từ châu Âu.

Trong bộ sách *Lịch Sử Phát Triển Công Giáo Ở Việt Nam* gồm hai tập, linh mục Trương Bá Cần đã trích dẫn tài liệu của LM Vũ Khánh Tường và tác giả này cũng đã trích lại bộ sách của Giáo sĩ Bartoli là một sử gia của Dòng Tên trích dẫn thư từ của các thừa sai cùng dòng.

Sách của LM Trương Bá Cần, tập I ghi lại *Thời Kỳ Khai Phá Và Hình Thành của Giáo Hội Công Giáo Việt Nam*, trang 57, có viết:

"*Năm 1627, nửa đêm Giáng sinh, giáo hữu tập họp trong nhà thờ Quảng Nam, đàn hát rộn ràng, đánh thức một viên quan sở tại ở bên cạnh; ông liền cho lính ập tới giải tán dân chúng và tịch thu ảnh tượng và đồ thờ. Năm 1629, Sãi vương ra lệnh áp dụng sắc chỉ của năm 1625 một cách triệt để. Các thừa sai ở Quảng Nam và Qui Nhơn bị bắt và dẫn độ về Hội An để chờ tàu tống xuất ra khỏi nước; tất cả các nhà thờ bị triệt hạ…"* (VŨ KHÁNH TƯỜNG, Les Missions jésuites avant les Missions étrangères au Vietnam (1615-1665), thèse soutenue en 6-1956 à l'Institut Catholique de Paris, VŨ KHÁNH TƯỜNG, trong tài liệu đã dẫn, trang 269, trích dẫn Bartoli, sách Istoria della Compagnie di Giesu, 1.4c. 30). Đây là một biến cố lịch sử mang tính tiêu cực nhưng cũng không làm cho tấm lòng những người tín hữu đầu tiên cũng là những người mục tử tốt lành bớt hướng lòng về Chúa Hài Nhi giáng trần cứu độ muôn loài.

Biến cố Lễ Sinh Nhật năm 1643 do Linh Mục Thừa Sai Alexandre de Rhodes được diễn tả trong sách của ngài tóm lược qua tác phẩm của Phạm Đình Khiêm như sau:

"*Lễ Sinh nhật năm 1643*

Câu chuyện lễ Sinh nhật năm 1643 là một tích chứng hùng hồn về tinh thần tiến giáo của bà Minh Đức và thầy giảng Y-nha-xô.

Lễ Sinh nhật này cha Đắc Lộ không có mặt tại Việt Nam; mặc dầu cha đã trở lại đây, lần thứ ba, hồi tháng giêng 1642, song cha chỉ ở được đến tháng chín 1643 thôi. Cũng không một linh mục nào khác có mặt trong xứ. Thầy giảng Y-nha-xô và bà Minh Đức thay thế các linh mục tổ chức mừng lễ Chúa giáng sinh rất long trọng.

Đây là lời tường thuật của cha Đắc Lộ:

"Y-nha-xô trở lại triều đình và mừng lễ Sinh nhật tại đó với rất đông giáo hữu. Họ lập một hang đá rất xinh đẹp trong nhà bà lớn Maria, mẹ người chú của chúa (Nguyễn) là một tín hữu rất xứng đáng, đã nhiều phen chịu thử thách mà đức tin rất vững vàng.

"Lòng đạo đức của bà hôm ấy thật sáng tỏ: bà đã làm cho người con của bà và các cháu của bà đến thờ lạy và triều yết Vua Vĩnh hiển xuống thế làm người; chính bà lại đem những sự cao cả của Người mà rao giảng cho những kẻ từ khắp nơi kéo đến kính viếng Người trong hang đá này". [A. de Rhodes: Relation des Progrès de la Foi au Royaume de la Cochinchine vers les derniers quartiers du Levant, Paris 1652].

Cảm động thay buổi lễ Sinh nhật ấy ở chốn triều đình Việt Nam ba thế kỷ trước! Không một bóng linh mục, không một lễ Misa, chỉ có một phụ nữ để rao giảng "Tin Tốt Lành": Vua trên các vua đã ra đời.

Người phụ nữ ấy, nhờ tài liệu này, càng được biết chắc chắn là Minh Đức Vương thái phi, không một chút nghi ngờ. Vì hồi này đương thời chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan, con kế nghiệp chúa Sãi, Nguyễn Phúc Nguyên. Ông Hoàng Khê, em chúa Sãi, tức là chú chúa Thượng. Vậy "bà lớn Maria, mẹ người chú chúa Thượng", là ai, nếu không phải là Minh Đức Vương thái phi? Thật là rõ ràng." (Phạm Đình Khiêm, *Minh Đức Vương Thái Phi, Lịch sử khai nguyên Công giáo Việt nam. Trang Web Dũng Lạc, 12-23-2006*).

Trong cuốn hồi ký của cha Đắc Lộ viết và ấn hành năm 1653 có viết: " ... *Chúng tôi vào trong phủ chúa khi đi qua, chúng tôi ở lại ít bữa ở Huế nơi có một bà Hoàng, họ gần với chúa và rất sùng thần ngoại, nhưng khi nghe cha Pina giảng thì được ơn Thiên chúa soi sáng, bà liền bỏ sai lầm và xin chịu phép rửa tội, lấy tên là Maria Mađalêna."* (*Hành trình và Truyền giáo,* bản dịch của Hồng Nhuệ, 1994, tr. 57).

Một nhà nghiên cứu sử học, Lê Ngọc Bích (1933-2009), trong cuốn *Nhân vật Giáo phận Huế* đã viết: "*Bà Minh Đức đứng thuyết giảng. Rất đông người từ nhiều nơi kéo đến tham dự hoặc hiếu kỳ đến xem hang đá. Nhà thờ là căn nhà kiểu Việt Nam ba gian hai chái đủ sức chứa vài trăm người. Bà sốt sắng làm cho nhiều người cảm động. Các con và các cháu của bà cũng đến tham dự, cả ông hoàng Khê."* (Tập I, 2000, trang 7).

Theo suy luận bình thường, một hang đá thường trình bày đầy đủ các nhân vật ngoài Chúa Hài Nhi, Đức Mẹ và Thánh Giuse, còn phải có các mục đồng (hay mục tử), các thiên thần và bò, lừa, chiên, cừu v.v… Theo sự mô tả của cha Đắc Lộ, đây là một hang đá rất xinh đẹp, tất nhiên không thể thiếu các mục tử cùng các nhân vật, các thiên thần, và các loài động vật nói trên và chắc chắn phải do những nghệ nhân tài hoa của triều đình dưới sự điều động của bà Minh Đức Vương Thái Phi đến để tạo dựng bù đắp vào sự thiếu bóng các vị linh mục thừa sai trong đó phải kể đến Cha Đắc Lộ.

Theo Tin Mừng Thánh Lu-ca, thiên thần đã báo tin Chúa Giê-su giáng sinh tại Bê Lem thì theo sách *Hành trình và Truyền giáo* của Cha Đắc Lộ, bà Minh Đức Vương Thái Phi trong đêm Giáng Sinh tổ chức lần đầu tiên tại Việt Nam, năm 1643, là người thay thế cho vai trò của thiên thần*"đã làm cho người con của bà và các cháu của bà đến thờ lạy và triều yết Vua Vinh hiển xuống thế làm người",* đã đóng vai người mục tử đứng lên giảng thuyết, lôi kéo nhiều người đến tham dự và xem hang đá. Nếu các tư liệu trong kinh thánh và qua sưu khảo của các nhà chú giải, mục đồng là những kẻ nghèo hèn, giai cấp hạ lưu trong xã hội Do Thái, thì người mục tử ở Việt Nam, trong đêm giáng sinh 1643, là một bậc nữ lưu trong một triều đình cao sang thuộc dòng dõi vua chúa cai trị ở Đàng Trong nước Đại Việt, đã làm một hang đá nói về sự tích giáng sinh của Con Một Chúa Trời và thuyết giảng Tin Mừng.

Tìm hiểu về nhân vật lịch sử này, chúng tôi đã từng viết với trích dẫn rất vắn tắt:

"Năm 1623, giáo sĩ Alexandre de Rhodes đến Macao dự định để vào truyền đạo ở Nhật Bản nhưng lúc bấy giờ Nhật Bản đã đóng cửa và năm sau, 1624 ông đến Đàng Trong, học tiếng Việt với giáo sĩ De Pina. Sau đó hai vị cùng đi ra kinh đô chúa Nguyễn tìm cách truyền đạo cho các nho sĩ, sư sãi, quan lại, vương tôn hoàng tộc, các ngài đã gặp bà Minh Đức Vương Thái Phi.

Nhưng Minh Đức Vương Thái Phi là ai? Linh mục Cadière trong một thiên khảo cứu rất công phu có tên Une princesse chrétienne à la cour des premiers Nguyên: Madame Marie đăng trong tạp chí Bulletin Des Amis Du Vieux Hué, năm 1939 đã trình bày rất đầy đủ về nhân vật lịch sử này. Một số tư liệu về sau cũng đã cung cấp một cái nhìn rất đầy đủ về bà. Bà sinh khoảng 1568, mẹ của hoàng tử Phúc Khê, con thứ 10 của Nguyễn Hoàng. Khi 21 tuổi, bà lấy Nguyễn Hoàng lúc đó đã 64 tuổi. Bà được truy tôn tước hiệu Minh Đức Vương Thái Phi, tước đứng đầu tất cả các bà phi thời Nguyễn Hoàng. Nguyễn Hoàng mất năm 1613, thọ 89 tuổi thì bà Minh Đức mới 45 tuổi. Bà sống với con trai qua triều đại Chúa Sãi (1613-1635), chúa Thượng (1635-1648) đến đầu triều chúa Hiền (1648-1687) [Nguyễn Đức Cung, Quảng Bình chín trăm năm nhìn lại, 1075-1975, Nhà xuất bản Nhật-Lệ, 2006, tập I, trang 468].

Lạ lùng thay sự quan phòng của Thiên Chúa.

Nguyễn Đức Cung
Philadelphia, 25/11/2023

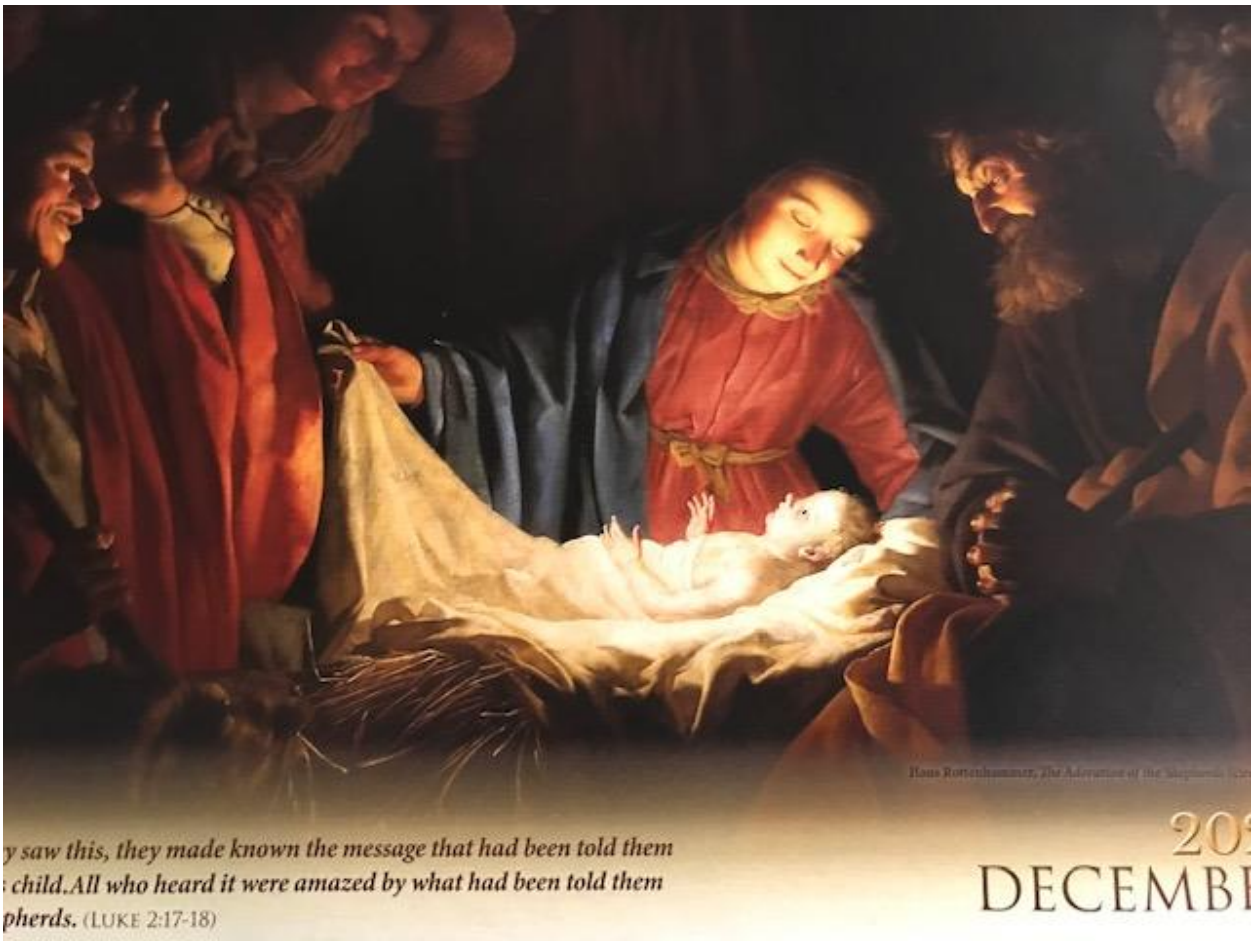

Hans Rottenhammer, *The Adoration of the Shepherds* (circa 1622)